

Số: 505/2020/QĐST-HNGĐ

T, ngày 07 tháng 7 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212, 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 58, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 37 Nghị quyết số 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 458/2020/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 6 năm 2020 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu:

- Bà Đoàn Thị N, sinh năm 1981;

Địa chỉ: 78 đường N, Phường M, quận T, TP. Hồ Chí Minh.

- Ông Nguyễn Ngọc Minh V, sinh năm 1980;

Địa chỉ: Ấp K, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 150/2011, quyển số 01/2011 của Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang ngày 03/11/2011 thì quan hệ hôn nhân giữa bà Đoàn Thị N và ông Nguyễn Ngọc Minh V là hợp pháp, phù hợp với Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông bà tự nguyện chung sống vào năm 2011, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã G, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Trong quá trình chung sống thì xảy ra bất đồng về quan điểm, không hòa thuận, không thuận lòng gia đình cha mẹ hai bên. Từ tháng 10/2011 bà N và ông V sống ly thân. Nay ông bà yêu cầu được công nhận thuận tình ly hôn. Tòa án xét thấy mối quan hệ hôn nhân giữa bà Đoàn Thị N và ông Nguyễn Ngọc Minh V đã phát sinh nhiều mâu thuẫn khiến hai bên không còn yêu thương, tôn trọng lẫn nhau, mục đích của hôn nhân không đạt được, do đó yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của bà Đoàn Thị N và ông Nguyễn Ngọc Minh V là tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân gia đình nên ghi nhận.

[3] Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Ngọc Minh Ch, sinh ngày 14/11/2011. Hai bên thỏa thuận, bà N là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về tài sản chung; về nợ chung: Hai bên khai không có.

[5] Xét thấy, yêu cầu thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận về nuôi con của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật nên Tòa án công nhận.

[6] Về lệ phí Tòa án: Bà Đoàn Thị N và ông Nguyễn Ngọc Minh V cùng chịu 300.000 đồng lệ phí.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự giữa:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Đoàn Thị N và ông Nguyễn Ngọc Minh V thuận tình ly hôn (bà Đoàn Thị N và ông Nguyễn Ngọc Minh V đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 150/2011, quyển số 01/2011 do Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang cấp ngày 03/11/2011).

- Về con chung: Bà Đoàn Thị N được quyền trực tiếp nuôi dưỡng 01 con chung tên Nguyễn Ngọc Minh Ch, sinh ngày 14/11/2011. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho ông Nguyễn Ngọc Minh V do bà Đoàn Thị N không yêu cầu.

Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận, nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông Nguyễn Ngọc Minh V có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định pháp luật Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung: Hai bên khai không có.

- Về nợ chung: Hai bên khai không có.

2. Lệ phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng do bà Đoàn Thị N và ông Nguyễn Ngọc Minh V chịu, được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 (ba trăm ngàn) đồng bà Đoàn Thị N và ông Nguyễn Ngọc Minh V đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2019/0016433 ngày 09/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận T

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

**THẨM PHÁN**

***Nơi nhận:***

- Các đương sự
- VKSND Q.T;
- Chi cục THADS Q. T;
- UBND xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang;
- Lưu.

**Dương Thị Lan Ngọc**